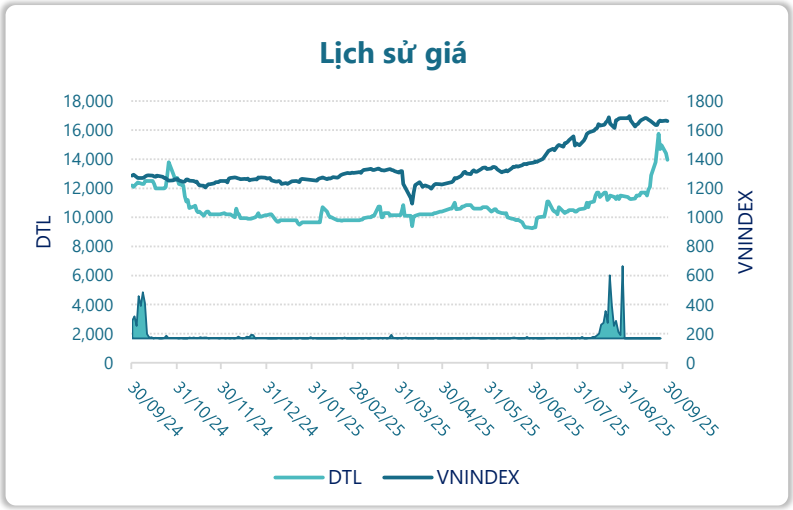
FireAnt

CTCP Đại Thiên Lộc (HSX: DTL)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,950**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,750
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,250
SL cổ phiếu LH	60,630,984
KLGD BQ 20 phiên (CP)	36,930
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	846
P/E	-9.0
EPS	-1,548

DT thuần

Q3/25

427

tỷ VNĐ

QoQ: ▼178| -29.4%

YoY: ▼208| -32.7%

LN sau thuế

Q3/25

-26.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.7| 30.9%

YoY: ▼27.1| -3112%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-2.4%

+/- YoY: ▼ 5.2%

DT thuần

9T 2025

1,414

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.00| 0.1%

LN sau thuế

9T 2025

-94.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼100.0| -1894%

ROE

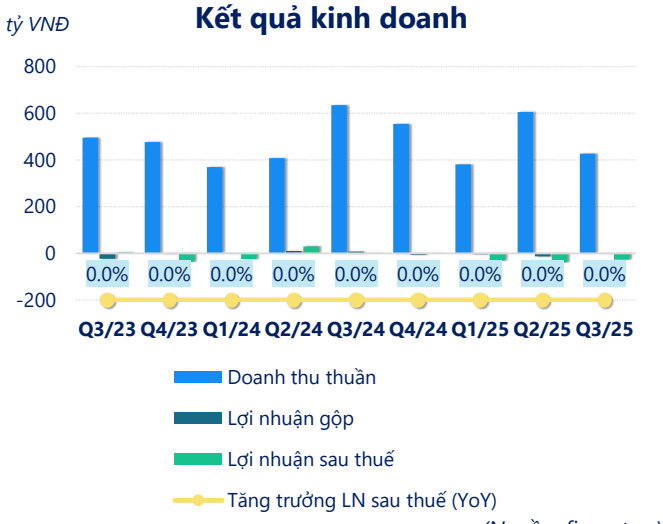
Q3/25

-13.2%

+/- YoY: ▼ 9.3%

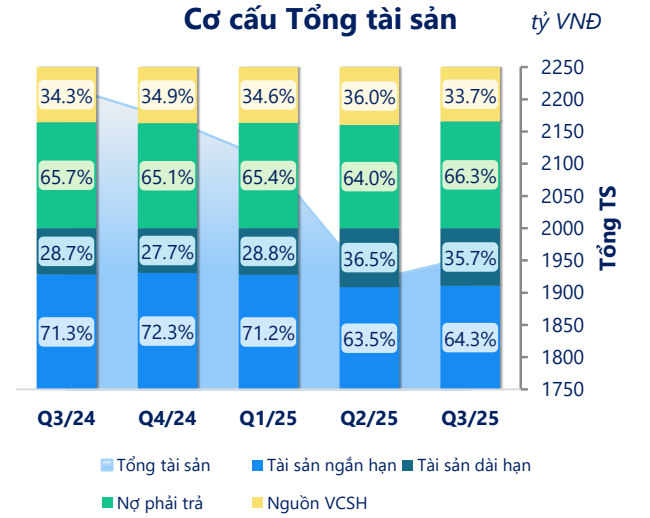
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



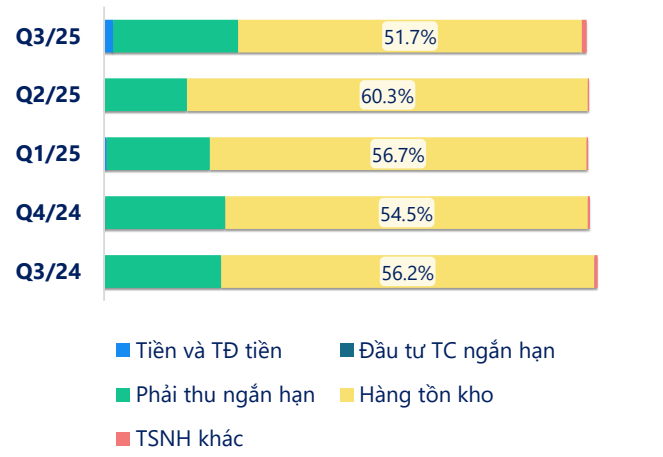
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



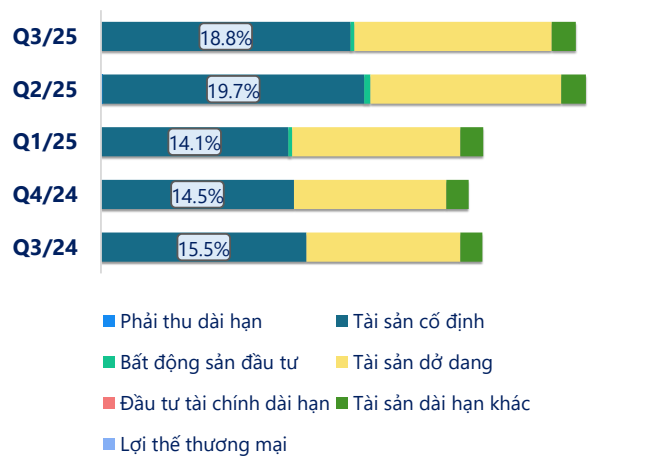
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



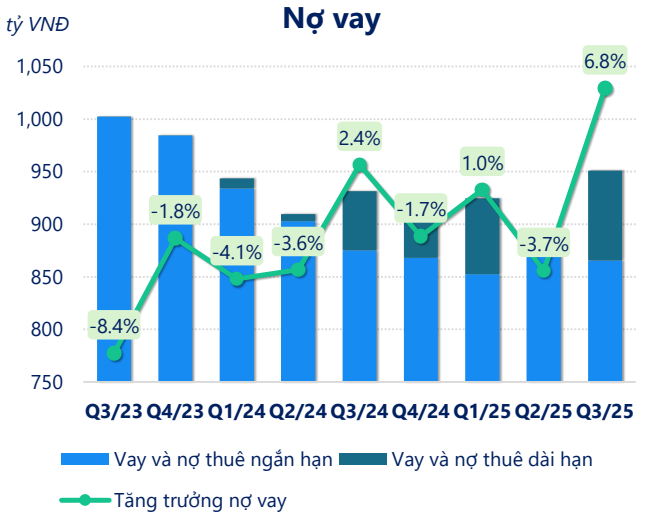
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



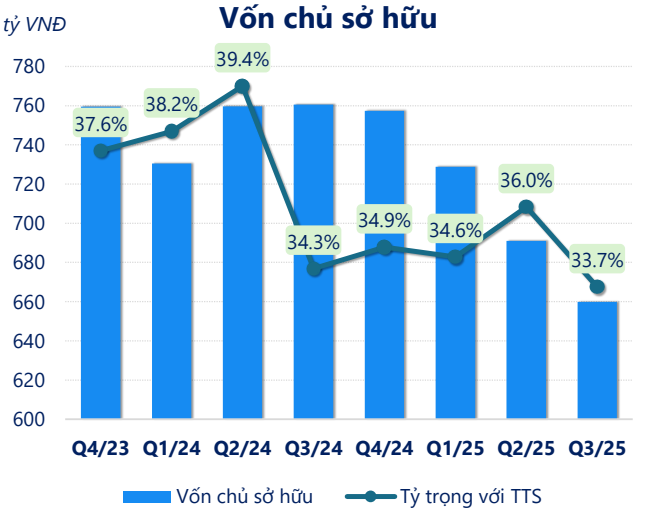
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



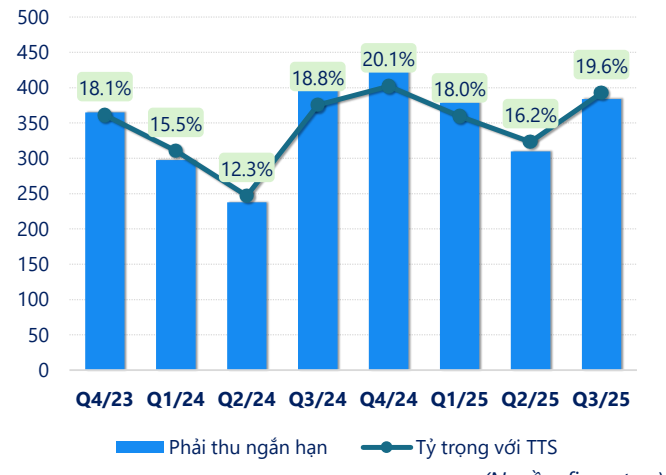
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



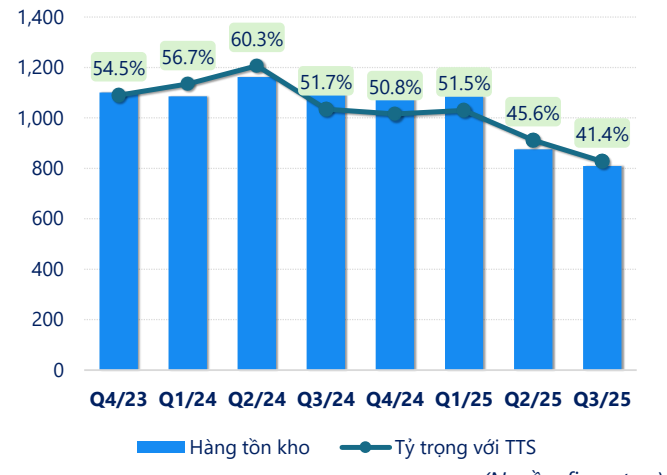
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



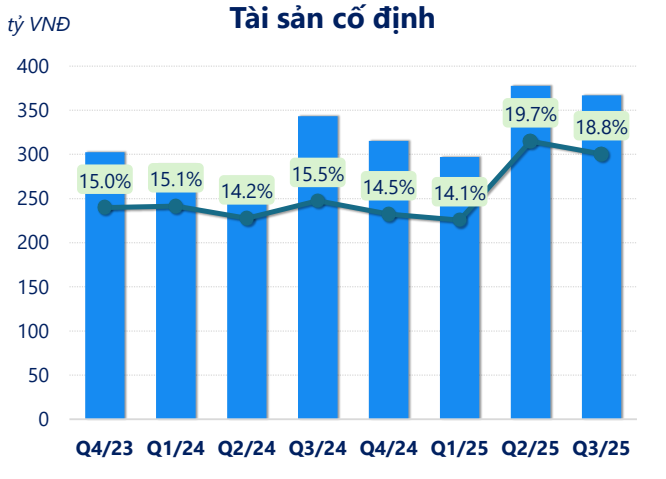
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



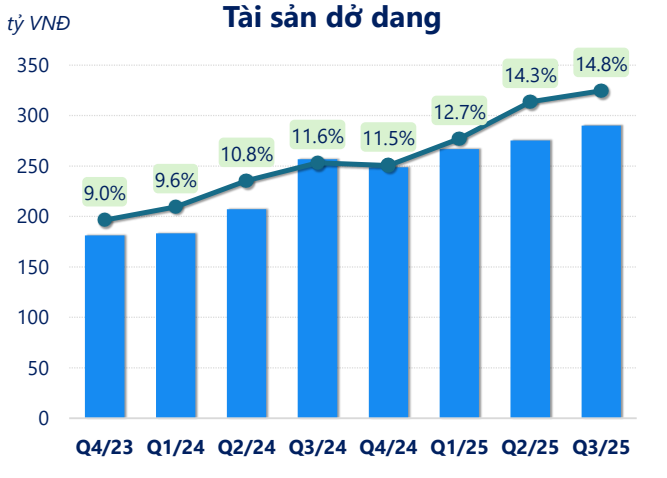
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



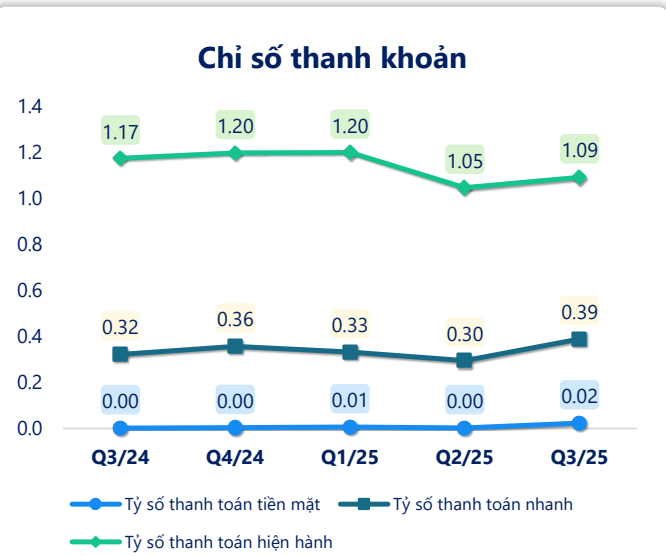
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



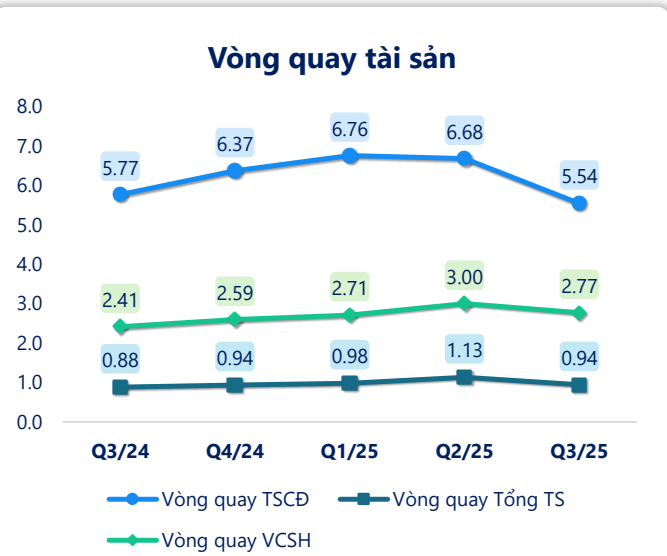
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**2,219**	**2,171**	**2,106**	**1,918**	**1,955**
Tài sản ngắn hạn	**1,582**	**1,571**	**1,501**	**1,219**	**1,257**
Tiền và tương đương tiền	2.23	4.26	7.67	2.32	27.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0.00	0
Phải thu ngắn hạn	417	436	379	310	384
Hàng tồn kho	1,148	1,103	1,085	875	809
Tài sản ngắn hạn khác	15.4	27.4	29.2	31.3	36.8
Tài sản dài hạn	**637**	**601**	**606**	**700**	**699**
Phải thu dài hạn	0	0	0	2.15	0
Tài sản cố định	343	315	297	378	367
Bất động sản đầu tư	0	0	5.92	9.17	5.77
Tài sản dở dang	257	249	267	275	290
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	36.7	36.4	36.1	35.6	35.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,459**	**1,414**	**1,377**	**1,227**	**1,295**
Nợ ngắn hạn	**1,348**	**1,311**	**1,251**	**1,164**	**1,150**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	875	868	852	889	865
Phải trả người bán ngắn hạn	390	333	295	136	219
Nợ dài hạn	111	103	127	63.7	145
Vay và nợ thuê dài hạn	56.2	47.6	72.0	1.38	85.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	**761**	**757**	**729**	**691**	**660**
Vốn chủ sở hữu	**761**	**757**	**729**	**691**	**660**
Vốn điều lệ	614	614	614	614	614
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)